TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2026/HS-PT
Ngày: 04/02/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 209/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị Thanh N về tội "Tham ô tài sản" do có kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Lê Thị Thanh N, sinh ngày 02/9/1984, tại Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn B, xã Y, tỉnh Gia Lai); Nơi tạm trú và nơi ở: 6 V, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai (Nay là 6 V, phường A, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số CCCD số 051184011295, cấp ngày 27/12/2021; con ông Lê P và bà Trần Thị A; có chồng là Huỳnh Văn P1 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/11/2024 cho đến nay, hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh G; có mặt.

*** Bị hại:** Công ty TNHH MTV L; vắng mặt.

Địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai (Nay là xã Y, tỉnh Gia Lai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L H'de (gọi là Công ty L H'de, có trụ sở tại: xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai nay là xã Y, tỉnh Gia Lai) được thành lập vào năm 2011 theo Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 28/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh G. Công ty L H'de là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, do Ủy ban nhân dân tỉnh G làm chủ sở hữu và thực hiện chức năng quản lý, bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn các xã Y, Đ, SRó và Đăk Tơ P2 thuộc huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là xã Y và SRó, tỉnh Gia Lai).

Từ ngày 06/4/2007 đến ngày 30/6/2022, ông Nguyễn Thanh K được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty L H'de. Đến ngày 23/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh G ban hành Quyết định số 633/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm ông Lê Văn T, Phó Giám đốc công ty giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty L H'de.

Tại Kết luận thanh tra số 01/KL-TTr ngày 06/6/2024 của Thanh tra Sở Tài chính tỉnh G kết luận: Trong thời gian làm Giám đốc công ty, ông K đã chỉ đạo xuất quỹ tiền mặt một số khoản chi không có chứng từ để quyết toán và một số khoản chi có chứng từ kế toán nhưng chưa được hạch toán dẫn đến việc âm quỹ tiền mặt số tiền 2.746.680.671 đồng.

Kết quả điều tra xác định: Ngày 05/8/2017, Lê Thị Thanh N được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty L H'de theo Quyết định số 37/QĐ-CT với thời hạn 05 năm, kể từ ngày quyết định. Đến ngày 01/02/2023, Lê Thị Thanh N được bổ nhiệm lại giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty. Trong thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng, vào các ngày 21/4/2020 và ngày 07/7/2020, Lê Thị Thanh N đã có 02 (hai) lần chiếm đoạt tổng số tiền 200.055.000 đồng của Công ty L H'de, cụ thể như sau:

Vào ngày 21/4/2020, Lê Thị Thanh N cùng ông Nguyễn Thanh K đi đến Ngân hàng V - Phòng G1 chi nhánh A1 để giao dịch. Tại đây, ông K đã yêu cầu N thực hiện lệnh Ủy nhiệm chi số tiền 100.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của Công ty đến tài khoản ngân hàng của Bảo hiểm xã hội huyện K để nộp tiền bảo hiểm cho công ty. Vì đang cần tiền để tiêu xài cá nhân nên N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 100.027.500 đồng của công ty bằng cách viết Ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của Công ty L H'de đến tài khoản ngân hàng cá nhân của N.

Khi viết Ủy nhiệm chi, N đã điền thông tin như sau: Tại mục "Đề nghị ghi nợ tài khoản", N ghi "Số tài khoản: 1051000279904, Tên tài khoản: Công ty TNHH MTV L H'de, Tại ngân hàng: V chi nhánh B1"; tại mục "& Ghi có tài khoản", N ghi "Số tài khoản: 5013205018255, Tại ngân hàng: NN&PTNT huyện K" và để trống mục Tên tài khoản; tại mục "Số tiền", N ghi " Bằng số: 100.000.000 đồng, B chữ: Một trăm triệu đồng"; tại mục "Nội dung", N ghi "Nộp Bảo hiểm xã hội năm 2020". Sau đó, N ký tên dưới mục "Kế toán trưởng ký" và trình ông Kim K1.

Vì tại mục "& ghi có tài khoản" N chỉ ghi số tài khoản mà không ghi tên chủ tài khoản, đồng thời, N ghi nội dung giao dịch là nộp tiền bảo hiểm xã hội nên ông K đã ký tên dưới mục "Chủ tài khoản ký & đóng dấu" và đóng dấu của công ty. Sau đó, N đến quầy giao dịch và điền tên tài khoản tại mục "& G có tài khoản" là Lê Thị Thanh N và đưa Uỷ nhiệm chi cho nhân viên ngân hàng để thực hiện

lệnh chuyển tiền.

Với thủ đoạn trên, vào ngày 07/7/2020, N tiếp tục chiếm đoạt số tiền 100.027.500 đồng từ tài khoản Ngân hàng TMCP N2 (V) số 1051000279904 của Công ty L và chuyển đến tài khoản Ngân hàng N3 (A2) số 5013205018255 của N. Sau khi chiếm đoạt được tổng cộng số tiền 200.055.000 đồng, N đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Để che giấu hành vi phạm tội, N đã trực tiếp hạch toán các Ủy nhiệm chi trên vào Sổ chi tiết tài khoản năm 2020 của công ty như sau: Hạch toán ngày 21/4/2020 số chứng từ BN00047/VCB, mã khách hàng KH010, tên khách hàng Bảo hiểm xã hội, với nội dung diễn giải Thanh toán tiền bảo hiểm và ngày 07/7/2020, số chứng từ BN00056/VCB, mã khách hàng KH010, tên khách hàng Bảo hiểm xã hội, với nội dung diễn giải Nộp bảo hiểm xã hội năm 2020.

Đến ngày 26/11/2020, Bảo hiểm xã hội huyện K gửi thông báo cho Công ty L H'de về việc chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội năm 2020 thì ông K đã phát hiện việc N chiếm đoạt số tiền 200.055.000 đồng của công ty. Sau đó, ông K đã chỉ đạo cho ông Võ Thành H (lúc này là Thủ quỹ công ty) xuất quỹ tiền mặt số tiền 228.463.866 đồng để nộp tiền bảo hiểm xã hội. Sau khi nộp tiền cho Bảo hiểm xã hội huyện K, N đã không hạch toán chứng từ Giấy nộp tiền ngày 26/11/2020 vào sổ sách của công ty. Do đó dẫn đến việc âm quỹ tiền mặt số tiền 228.463.866 đồng (trong tổng số tiền 2.746.680.671 đồng).

Đến ngày 10/7/2024, Công ty L H'de đã nộp toàn bộ số tiền âm quỹ tiền mặt 2.746.680.671 đồng theo Quyết định về việc thu hồi tiền số 03/QĐ-TTr ngày 11/6/2024 của Thanh tra Sở T.

Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thanh N phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh N **04** (Bốn) năm **06** (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/10/2025, Viện trưởng Viện Công tố và xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VP2 với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm phạt bổ sung "Cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến kế toán từ 01 năm đến 05 năm".

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VP2.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với hồ sơ vụ án và các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Lê Thị Thanh N được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của Công ty TNHH MTV L từ năm 2017, được giao nhiệm vụ tham mưu trong việc sử dụng tài chính, quản lý thu chi của công ty. Khi ông Nguyễn Thanh K là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty yêu cầu nộp tiền bảo hiểm xã hội cho Công ty thì bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền nên đã lần lượt viết 02 Uỷ nhiệm chi nhưng không ghi đầy đủ theo quy định rồi trình ông Kim K1, sau đó, bị cáo điền tên chủ tài khoản cá nhân để Ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản bị cáo vào ngày 21/4/2020 số tiền 100.000.000đ và ngày 07/7/2020 số tiền 100.000.000đ.

Để hợp thức hoá chứng từ bị cáo đã thể hiện vào sổ chi tiết tài khoản năm 2020 các mã khách hàng, tên khách hàng Bảo hiểm xã hội, nội dung nộp bảo hiểm xã hội năm 2020. Khi Bảo hiểm xã hội huyện K thông báo Công ty còn nợ tiền bảo hiểm xã hội thì hành vi của bị cáo mới bị phát hiện. Toàn bộ số tiền 200.000.000đ bị cáo chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ, quá trình thực hiện Ủy nhiệm chi có phát sinh phí là 55.000đ.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo Lê Thị Thanh N phạm tội "Tham ô tài sản" quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo N phạm tội "Tham ô tài sản" quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt 04 năm 06 tháng tù dưới khung hình phạt là phù hợp tính chất hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo N khi phạm tội là Kế toán trưởng Công ty L1 H'de, đã lợi dụng chức vụ và công việc được giao để chiếm đoạt tiền của doanh nghiệp, ảnh hưởng hoạt động doanh nghiệp. Khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo ngoài hình phạt chính, còn phải xem xét áp dụng hình phạt bổ sung "Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định". Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung "Cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm" quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả và Điều luật quy định; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, xử phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị Thanh N.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VP2 ngày 09/10/2025 của Viện trưởng Viện Công tố và xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt bổ sung.

2. Căn cứ điểm c, d khoản 2; khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2

Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh N **04** (Bốn) năm **06** (S) tháng tù về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/11/2024.

Phạt bổ sung cấm bị cáo Lê Thị Thanh N đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường